

Số: 144/QĐ-CĐYT

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng
Hình thức vừa làm vừa học đợt 1 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-CĐYT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu về việc thành lập Hội đồng Tuyển sinh năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 45/KH-CĐYT ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu về Kế hoạch tuyển sinh năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 52/TB-CĐYT ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu về Thông báo tuyển sinh năm 2022;

Căn cứ vào hồ sơ xét tuyển cao đẳng hệ liên thông hình thức vừa làm vừa học đợt 1 năm 2022 của thí sinh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Thư ký,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 38 thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng hình thức vừa làm vừa học đợt 1 năm 2022 (danh sách đính kèm). Cụ thể như sau:

STT	Ngành	Mã ngành	Trình độ	Số lượng trúng tuyển	Ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào
1	Dược	6720201	Cao	23	5.00
2	Điều dưỡng	6720301	đẳng	15	

Điều 2. Ban Thư ký có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan lập giấy báo triệu tập thí sinh trúng tuyển và hướng dẫn thí sinh làm hồ sơ nhập theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng Tuyển sinh, các phòng chức năng, các khoa thuộc Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu và các thí sinh có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH (b/c)
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám hiệu (b/c);
- Như điều 3, Website, Fanpage;
- Lưu: VT, ĐT-NCKH.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HĐTS



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Huỳnh Quốc Sử

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
HÌNH THỨC VỮA LÀM VỮA HỌC ĐỢT 1 NĂM 2022**

Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-CDYT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường cao đẳng Y tế Bạc Liêu năm 2022)



Cao đẳng Điều dưỡng VL VH (15)

	Mã lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Mã đối tượng	Điểm công DT	Mã khu vực	Điểm công KV	Hóa học	Sinh học	Toán	Tổng điểm	Điểm TBC	Địa chỉ
1	2213010	226VF04A01	Trần Kim Cương	Nữ	01/6/1990	Kinh	00	0	2NT	0.5	5.6	5.8	7	18.9	6.3	Bệnh Viện Thanh Vũ
2	2213011	226VF04A02	Trần Thuỳ Dương	Nữ	14/6/1995	Kinh	00	0	2NT	0.5	5.1	6.6	5.5	17.7	5.9	BV Quân Dân Y
3	2213043	226VF04A03	Quách Bửu Dương	Nam	10/01/1993	Kinh	00	0	2	0.25	5.9	7.6	8.1	21.85	7.28	Bệnh Viện Thanh Vũ
4	2213001	226VF04A04	Nguyễn Bá Hoà	Nam	06/9/1994	Kinh	00	0	2	0.25	6.3	6.6	7.9	21.05	7.02	BV Bạc Liêu
5	2213002	226VF04A05	Huỳnh Phi Học	Nam	30/04/1993	Kinh	00	0	1	0.75	6.8	6.3	7.8	21.65	7.22	BV Bạc Liêu
6	2213009	226VF04A06	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	13/02/1982	Kinh	00	0	2	0.25	5.1	5.5	5.3	16.15	5.38	Bệnh Viện Thanh Vũ
7	2213016	226VF04A07	Quách Thị Lam	Nữ	05/11/1991	Kinh	00	0	1	0.75	5.3	5.8	4.3	16.15	5.38	BV Bạc Liêu
8	2213014	226VF04A08	Lưu So Ny	Nam	13/03/1995	Kinh	00	0	2	0.25	7.9	6.4	8.8	23.35	7.78	BV Bạc Liêu
9	2213015	226VF04A09	Lâm Thái Ngọc	Nữ	01/6/1985	Kinh	00	0	2	0.25	6.7	6.2	6	19.15	6.38	BV Bạc Liêu
10	2213018	226VF04A10	Lâm Sơ Đa Rít	Nam	25/02/1983	Kho-me	01	2	2NT	0.5	3.9	6.4	5.3	18.1	6.03	BV Thanh Vũ
11	2213019	226VF04A11	Châu Thị Tơ	Nữ	19/12/1988	Kinh	00	0	1	0.75	7.7	6.7	6	21.15	7.05	BV Thanh Vũ
12	2213004	226VF04A12	Thạch Ngọc Thal	Nam	27/6/1993	Kho-me	06	1	1	0.75	3.7	5	6.3	16.75	5.58	BV Bạc Liêu
13	2213008	226VF04A13	Bùi Thị Bé Thiia	Nữ	10/8/1992	Kinh	00	0	2NT	0.5	6.7	5.8	6.4	19.4	6.47	Bệnh Viện Thanh Vũ
14	2213013	226VF04A14	Phạm Thị Anh Thư	Nữ	1992	Kinh	00	0	2NT	0.5	6.4	6.6	6	19.5	6.5	Bệnh Viện Thanh Vũ
15	2213005	226VF04A15	Nguyễn Thị Thanh Truyền	Nữ	24/3/1992	Kinh	00	0	2	0.25	5.0	5.2	7.3	17.75	5.92	BV Bạc Liêu

Cao đẳng Dược VL VH (23)

16	2213026	226VD02A01	Phan Thuý Ái	Nữ	26/10/1994	Kinh	00	0	1	0.75	5.1	7.4	5.9	19.15	6.38	
17	2213042	226VD02A02	Châu Ngọc Giàu	Nữ	20/5/1983	Kinh	00	0	1	0.75	6.0	6.5	7.5	20.75	6.92	

Handwritten signature

STT	Số hồ sơ	Mã lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Mã đối tượng	Điểm cộng ĐT	Mã khu vực	Điểm cộng KV	Hóa học	Sinh học	Toán	Tổng điểm	Điểm TBC	Địa chỉ
18	2213028	226VD02A	226VD02A03	Nguyễn Tuyết Hằng	Nữ	07/10/1990	Kinh	00	0	1	0.75	6.2	5.4	6.7	19.05	6.35	
19	2213039	226VD02A	226VD02A04	Lê Đức Huy	Nam	02/9/1991	Kinh	00	0	1	0.75	6.0	5.3	6.7	18.75	6.25	
20	2213023	226VD02A	226VD02A05	Trần Diệu Huyền	Nữ	25/7/1991	Kinh	00	0	1	0.75	5	5.6	5.9	17.25	5.75	
21	2213040	226VD02A	226VD02A06	Huỳnh Hoàng Huỳnh	Nam	19/01/2002	Kinh	00	0	2NT	0.5	5.9	6.5	6.0	18.9	6.3	
22	2213041	226VD02A	226VD02A07	Huỳnh Thị Hồng Kính	Nữ	08/4/1989	Kinh	00	0	1	0.75	4.5	6.6	5.1	16.95	5.65	
23	2213021	226VD02A	226VD02A08	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	16/10/2000	Kinh	00	0	1	0.75	5.5	7.1	5.6	18.95	6.32	
24	2213044	226VD02A	226VD02A09	Ngô Thị Lý	Nữ	06/9/1982	Kho-me	01	2	1	0.75	6.5	6.1	6.6	21.95	7.32	
25	2213025	226VD02A	226VD02A10	Trương Quỳnh Mỹ	Nữ	9/10/1995	Kinh	00	0	2	0.25	5	6.5	6.6	18.35	6.12	
26	2213036	226VD02A	226VD02A11	Trình Tú Nhi	Nữ	15/12/1990	Kinh	00	0	2	0.25	6.7	8	7.5	22.45	7.48	
27	2213031	226VD02A	226VD02A12	Lê Thị Tuyết Nhung	Nữ	17/02/1986	Kinh	00	0	2NT	0.5	6.5	5.8	5.2	18	6	
28	2213033	226VD02A	226VD02A13	Trần Thị Huỳnh Như	Nữ	22/11/1999	Kinh	00	0	2NT	0.5	7	7.9	7.3	22.7	7.57	
29	2213027	226VD02A	226VD02A14	Tiền Tấn Phát	Nam	03/7/1990	Kinh	00	0	2	0.25	5.4	5.8	5.0	16.45	5.48	
30	2213020	226VD02A	226VD02A15	Ngô Văn Tinh	Nam	02/12/1999	Kinh	00	0	2	0.25	7.9	6.5	8	22.65	7.55	
31	2213032	226VD02A	226VD02A16	Quách Thoại Tường	Nam	03/5/1981	Hoa	06	1	2	0.25	9.3	8	8.4	26.95	8.98	
32	2213022	226VD02A	226VD02A17	La Yến Thảo	Nữ	17/6/1996	Kinh	07	1	1	0.75	5.4	7.3	6.9	21.35	7.12	
33	2213024	226VD02A	226VD02A18	Nguyễn Bảo Trang	Nữ	24/01/1997	Kinh	00	0	2NT	0.5	6.4	6.5	7.3	20.7	6.9	
34	2213034	226VD02A	226VD02A19	Trần Đồng Trâm	Nam	01/01/2002	Kinh	00	0	2NT	0.5	5.8	5.3	6.6	18.2	6.07	
35	2213038	226VD02A	226VD02A20	Lê Huyền Trân	Nữ	04/3/2002	Kinh	00	0	2	0.25	7.2	7.5	7.2	22.15	7.38	
36	2213035	226VD02A	226VD02A21	Huỳnh Lý Khai Trí	Nam	04/8/1998	Hoa	01	2	1	0.75	5.8	6.4	6.1	21.05	7.02	
37	2213029	226VD02A	226VD02A22	Phạm Mỹ Truyền	Nữ	03/5/1990	Kinh	00	0	1	0.75	7	6.0	6.0	19.75	6.58	
38	2213037	226VD02A	226VD02A23	Trần Quốc Việt	Nam	01/10/1987	Kinh	00	0	2NT	0.5	5.7	5.4	5.8	17.4	5.8	

**Ghi chú: Danh sách có tổng 38 thí sinh

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 1 NĂM 2022**



Họ và tên

Giới tính

Ngày sinh

Nơi sinh

Dân tộc

CMND/CCCD

Mã đối tượng

Điểm công DT

Mã khu vực

Điểm công KV

Hóa học

Sinh học

Toán

Tổng điểm

Đại chỉ

Cao đẳng Dược VL VH (1L)

1	2213010	Trần Kim Cương	Nữ	01/6/1990	Bạc Liêu	Kinh	385441355	00	0	2NT	0.5	5.6	5.8	7	18.9	Bệnh Viện Thanh Vũ
2	2213011	Trần Thuỳ Dương	Nữ	14/6/1995	Bạc Liêu	Kinh	385671248	00	0	2NT	0.5	5.1	6.6	5.5	17.7	BV Quân Dân Y
3	2213043	Quách Bửu Dương	Nam	10/01/1993	Bạc Liêu	Kinh	095093004523	00	0	2	0.25	5.9	7.6	8.1	21.85	Bệnh Viện Thanh Vũ
4	2213001	Nguyễn Bá Hoà	Nam	06/9/1994	Bạc Liêu	Kinh	095094000397	00	0	2	0.25	6.3	6.6	7.9	21.05	BV Bạc Liêu
5	2213002	Nguyễn Phi Học	Nam	30/04/1993	Bạc Liêu	Kinh	385607492	00	0	1	0.75	6.8	6.3	7.8	21.65	BV Bạc Liêu
6	2213009	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	13/02/1982	Bạc Liêu	Kinh	385079424	00	0	2	0.25	5.1	5.5	5.3	16.15	Bệnh Viện Thanh Vũ
7	2213016	Quách Thị Lam	Nữ	05/11/1991	Bạc Liêu	Kinh	385572429	00	0	1	0.75	5.3	5.8	4.3	16.15	BV Bạc Liêu
8	2213014	Lưu So Ny	Nam	13/03/1995	Bạc Liêu	Kinh	095095002375	00	0	2	0.25	7.9	6.4	8.8	23.35	BV Bạc Liêu
9	2213015	Lâm Thái Ngọc	Nữ	01/6/1985	Bạc Liêu	Kinh	095185010401	00	0	2	0.25	6.7	6.2	6	19.15	BV Bạc Liêu
10	2213018	Lâm Sơ Đa Rút	Nam	25/02/1983	Bạc Liêu	Kho-me	095083006449	01	2	2NT	0.5	3.9	6.4	5.3	18.1	BV Thanh Vũ
11	2213019	Châu Thị To	Nữ	19/12/1988	Bạc Liêu	Kinh	385458062	00	0	1	0.75	7.7	6.7	6	21.15	BV Thanh Vũ
12	2213004	Thạch Ngọc Thal	Nam	27/6/1993	Sóc Trăng	Kho-me	094093014454	06	1	1	0.75	3.7	5	6.3	16.75	BV Bạc Liêu
13	2213008	Bùi Thị Bé Thia	Nữ	10/8/1992	Bạc Liêu	Kinh	385659761	00	0	2NT	0.5	6.7	5.8	6.4	19.4	Bệnh Viện Thanh Vũ
14	2213013	Phạm Thị Anh Thư	Nữ	1992	Bạc Liêu	Kinh	385607011	00	0	2NT	0.5	6.4	6.6	6	19.5	Bệnh Viện Thanh Vũ
15	2213005	Nguyễn Thị Thanh Truyền	Nữ	24/3/1992	Bạc Liêu	Kinh	095192001037	00	0	2	0.25	5.0	5.2	7.3	17.75	BV Bạc Liêu
Cao đẳng Dược VL VH (23)																
16	2213026	Phan Thuý Ái	Nữ	26/10/1994	Sóc Trăng	Kinh	366056977	00	0	1	0.75	5.1	7.4	5.9	19.15	
17	2213042	Châu Ngọc Giàu	Nữ	20/5/1983	Bạc Liêu	Kinh	095183000584	00	0	1	0.75	6.0	6.5	7.5	20.75	
18	2213028	Nguyễn Tuyết Hằng	Nữ	07/10/1990	Bạc Liêu	Kinh	095190006193	00	0	1	0.75	6.2	5.4	6.7	19.05	
19	2213039	Lê Đức Huy	Nam	02/9/1991	Cà Mau	Kinh	381534797	00	0	1	0.75	6.0	5.3	6.7	18.75	
20	2213023	Trần Diệu Huyền	Nữ	25/7/1991	Cà Mau	Kinh	096191009778	00	0	1	0.75	5	5.6	5.9	17.25	
21	2213040	Huỳnh Hoàng Huỳnh	Nam	19/01/2002	Bạc Liêu	Kinh	095202008716	00	0	2NT	0.5	5.9	6.5	6.0	18.9	

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	CMND/CCCD	Mã đối tượng	Điểm công ĐT	Mã khu vực	Điểm công KV	Hóa	Sinh học	Toán	Tổng điểm	Dại chi
22	2213041	Huỳnh Thị Hồng	Nữ	08/4/1989	Mình Hải	Kinh	385458213	00	0	1	0.75	4.5	6.6	5.1	16.95	
23	2213021	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	16/10/2000	Sóc Trăng	Kinh	094200000641	00	0	1	0.75	5.5	7.1	5.6	18.95	
24	2213044	Ngô Thị Lý	Nữ	06/9/1982	Bạc Liêu	Khơ-me	095182009317	01	2	1	0.75	6.5	6.1	6.6	21.95	
25	2213025	Trương Quỳnh Mỹ	Nữ	9/10/1995	Cà Mau	Kinh	095195008589	00	0	2	0.25	5	6.5	6.6	18.35	
26	2213036	Trình Tú Nhi	Nữ	15/12/1990	Bạc Liêu	Kinh	095190010190	00	0	2	0.25	6.7	8	7.5	22.45	
27	2213031	Lê Thị Tuyết Nhung	Nữ	17/02/1986	Bạc Liêu	Kinh	385347660	00	0	2NT	0.5	6.5	5.8	5.2	18	
28	2213033	Trần Thị Huỳnh Như	Nữ	22/11/1999	Bạc Liêu	Kinh	385748928	00	0	2NT	0.5	7	7.9	7.3	22.7	
29	2213027	Tiền Tấn Phát	Nam	03/7/1990	Bạc Liêu	Kinh	095090014374	00	0	2	0.25	5.4	5.8	5.0	16.45	
30	2213020	Ngô Văn Tỉnh	Nam	02/12/1999	Bạc Liêu	Kinh	095090000191	00	0	2	0.25	7.9	6.5	8	22.65	
31	2213032	Quách Thoại Tường	Nam	03/5/1981	Bạc Liêu	Hoa	385008426	06	1	2	0.25	9.3	8	8.4	26.95	
32	2213022	La Yến Thảo	Nữ	17/6/1996	Bạc Liêu	Kinh	095196002700	07	1	1	0.75	5.4	7.3	6.9	21.35	
33	2213024	Nguyễn Bảo Trang	Nữ	24/01/1997	Bến Tre	Kinh	321546811	00	0	2NT	0.5	6.4	6.5	7.3	20.7	
34	2213034	Trần Đồng Trâm	Nam	01/01/2002	Bạc Liêu	Kinh	385842101	00	0	2NT	0.5	5.8	5.3	6.6	18.2	
35	2213038	Lê Huyền Trân	Nữ	04/3/2002	Bạc Liêu	Kinh	095302005502	00	0	2	0.25	7.2	7.5	7.2	22.15	
36	2213035	Huỳnh Lý Khai Trí	Nam	04/8/1998	Bạc Liêu	Hoa	385732187	01	2	1	0.75	5.8	6.4	6.1	21.05	
37	2213029	Phạm Mỹ Truyền	Nữ	03/5/1990	Bạc Liêu	Kinh	095190008173	00	0	1	0.75	7	6.0	6.0	19.75	
38	2213037	Trần Quốc Việt	Nam	01/10/1987	Cà Mau	Kinh	381302396	00	0	2NT	0.5	5.7	5.4	5.8	17.4	

**** Ghi chú: Danh sách có tổng 38 thí sinh**

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HĐTS

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 5 năm 2022
TRƯỜNG BAN THƯ KÝ

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Huỳnh Quốc Sử

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH
Nguyễn Lê Tuyết Dung